CTCP Thủy sản Mekong (HSX: AAM)

FireAnt

Ngày 31/03/2024	9,300 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	-2.0%	2.2%	-11.4%

ROE (2023): 0.3% | +/- YoY: ▼ 8.0%

DT thuần (Q1/24): 34.6 tỷ VNĐ | QoQ: ▼ 3.20 ▼ 8.6% | YoY: ▲ 4.30 ▲ 14.1%

DT thuần (2023): 137 tỷ VNĐ | YoY: ▼ 75.0 ▼ 35.5%

LN gộp (Q1/24): -0.76 tỷ VNĐ | QoQ: ▼ 0.85 ▼ 948% | YoY: ▼ 1.95 ▼ 164%

LN gộp (2023): 0.90 tỷ VNĐ | YoY: ▼ 26.4 ▼ 96.7%

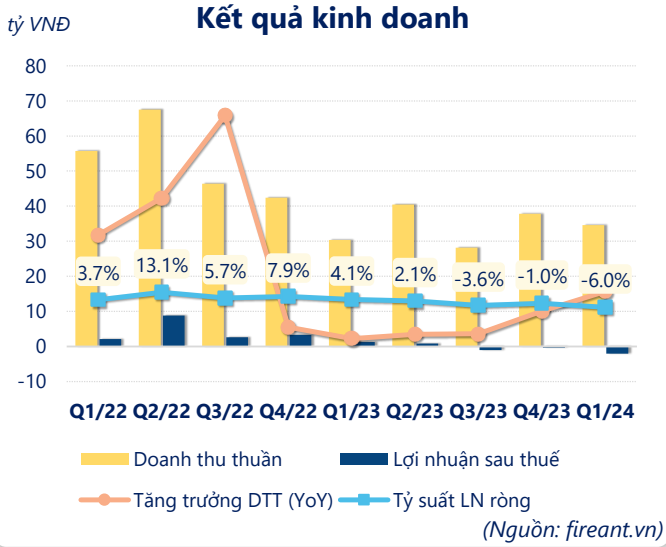
LN thuần (Q1/24): -2.38 tỷ VNĐ | QoQ: ▼ 0.57 ▼ 31.6% | YoY: ▼ 2.79 ▼ 681%

LN thuần (2023): -4.32 tỷ VNĐ | YoY: ▼ 16.3 ▼ 136%

LN sau thuế (Q1/24): -2.07 tỷ VNĐ | QoQ: ▼ 1.69 ▼ 445% | YoY: ▼ 3.30 ▼ 268%

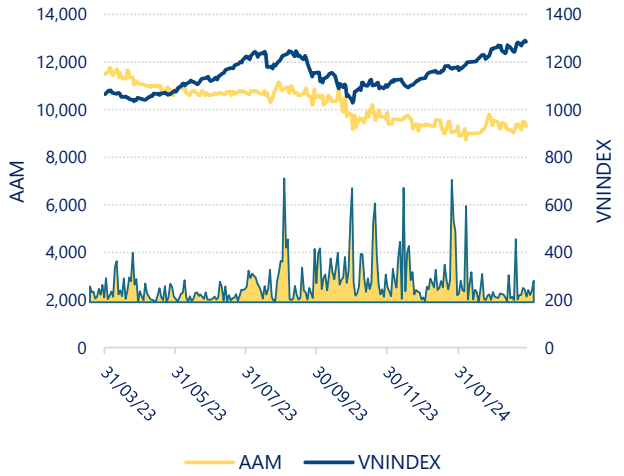
LN sau thuế (2023): 0.70 tỷ VNĐ | YoY: ▼ 16.2 ▼ 95.8%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

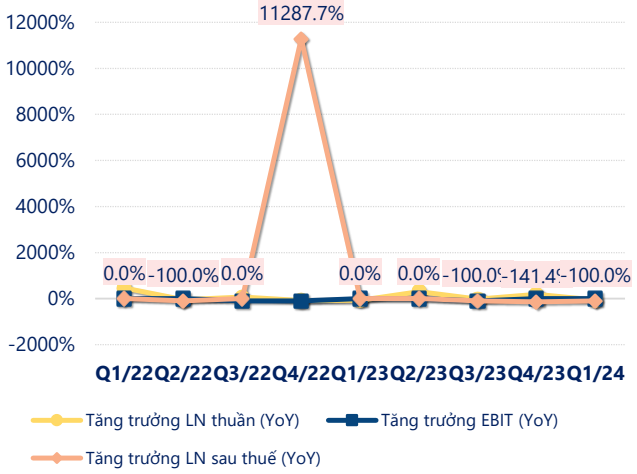
Lịch sử giá



CTCP Thủy sản Mekong (HSX: AAM)

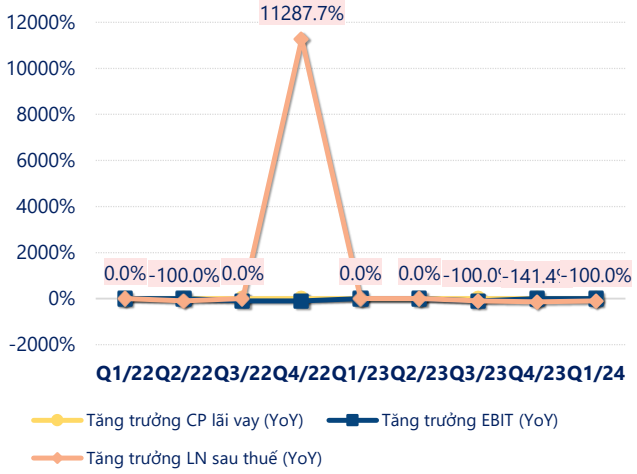
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



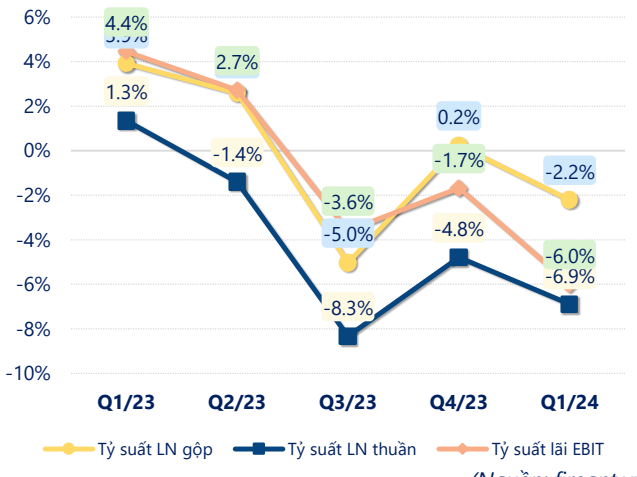
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



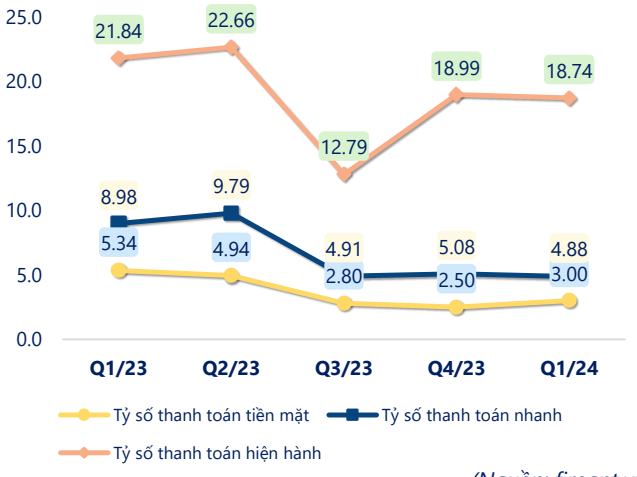
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



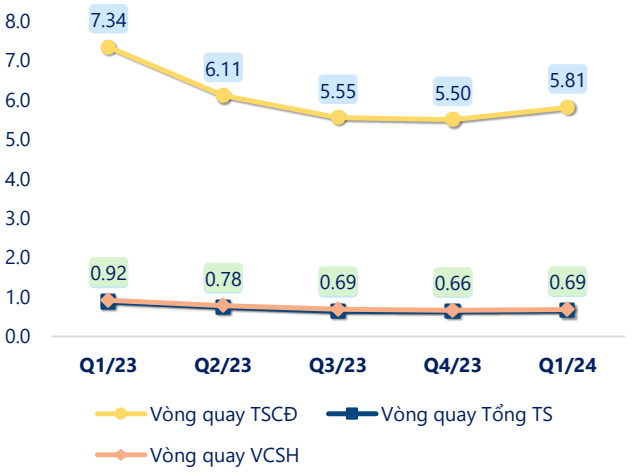
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



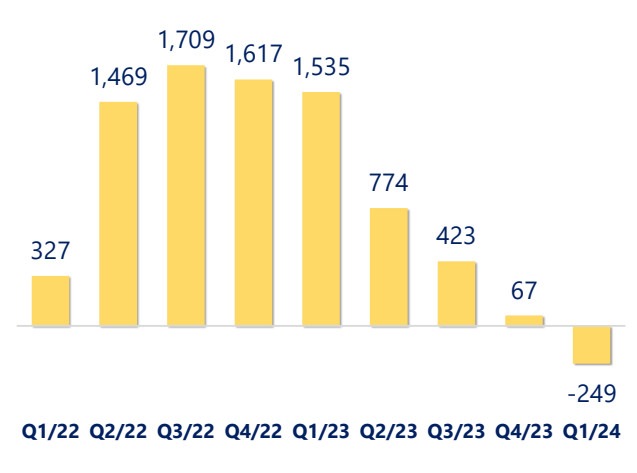
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

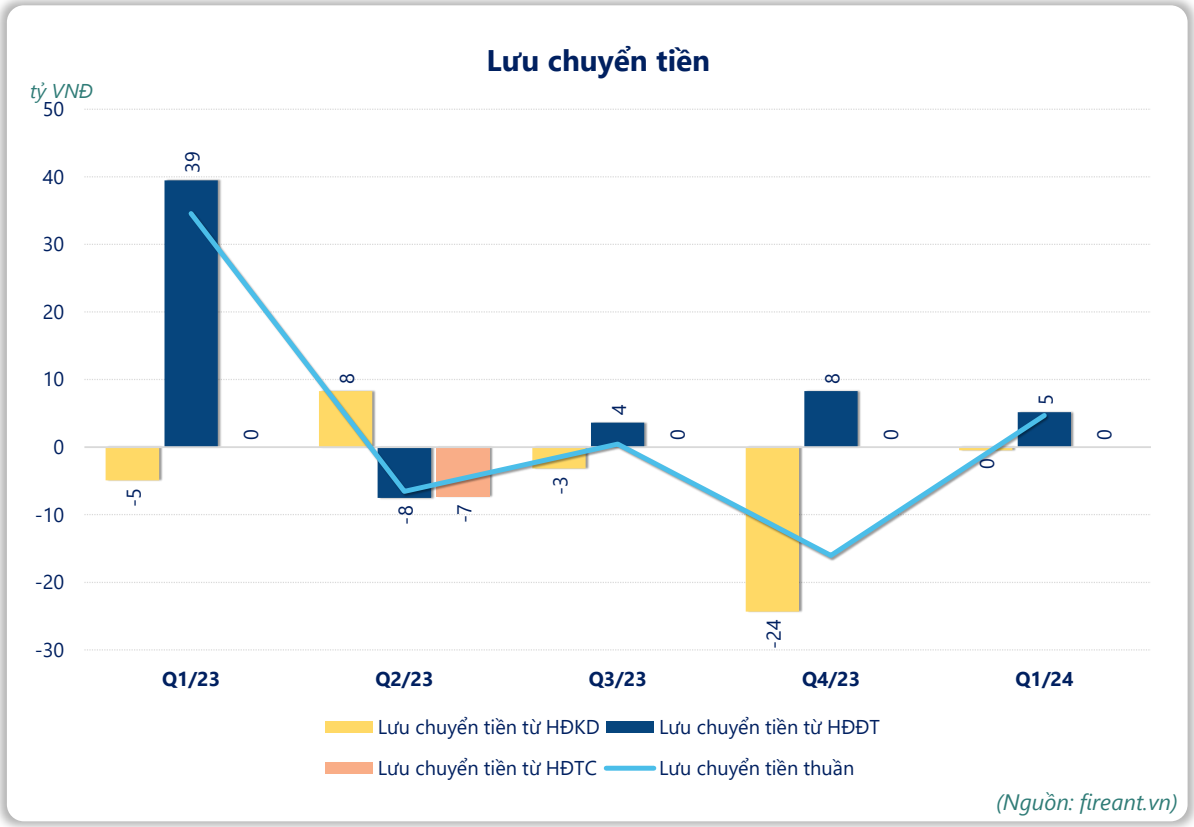


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thủy sản Mekong (HSX: AAM)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**34.6**	**30.3**	**14.1%**	**137**	**212**	**-35.5%**
Giá vốn hàng bán	35.3	29.1	21.4%	136	185	-26.5%
Lợi nhuận gộp	-0.76	1.19	-164%	0.90	27.3	-96.7%
Doanh thu HĐTC	0.34	1.69	-80.1%	4.86	5.29	-8.0%
Chi phí TC	0	0.03	-100%	0.11	0.23	-49.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.75	0.75	-0.3%	3.97	12.8	-68.9%
Chi phí QLDN	**1.21**	**1.70**	**-29.0%**	**6.00**	**7.56**	**-20.6%**
LN thuần từ HĐKD	-2.38	0.41	-681%	-4.32	12.0	-136%
Lợi nhuận khác	**0.31**	**0.94**	**-67.1%**	**5.12**	**5.88**	**-12.9%**
LN trước thuế	-2.07	1.35	-253%	0.80	17.9	-95.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.07**	**1.23**	**-268%**	**0.70**	**16.9**	**-95.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.07**	**1.23**	**-268%**	**0.70**	**16.9**	**-95.8%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)